

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN**

Số: 14/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước An, ngày 29 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã Phước An
năm 2025 (sau sáp nhập)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC AN
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025, giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước An về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Phước An năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước An về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước xã Phước An năm 2025, với các nội dung chính như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: | 20.020 triệu đồng. |
| 2. Tổng dự toán chi NSDP: | 157.814 triệu đồng. |
| a) Dự toán chi NSDP tỉnh giao: | 157.814 triệu đồng. |

- Chi thường xuyên: 154.614 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 3.200 triệu đồng.
- b) Dự toán chi HĐND xã giao: 157.814 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 154.614 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 3.200 triệu đồng.
- 3. Cân đối ngân sách:
- Thu cân đối ngân sách xã: 11.912 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 145.902 triệu đồng.

(chi tiết tại các Phụ lục I, II, III đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, tập trung chỉ đạo, điều hành ngân sách theo dự toán tại Điều 1 Nghị quyết này, đảm bảo phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu và đúng Luật Ngân sách nhà nước; thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách mới có hiệu lực trong năm 2025 để giải quyết kịp thời cho các đối tượng được thụ hưởng.

Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch năm 2025, Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ thủ tục trình Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét theo luật định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND xã Phước An về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Phước An năm 2025.

2. Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND xã Long Thọ về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Long Thọ năm 2025.

3. Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND xã Vĩnh Thanh về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Vĩnh Thanh năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phước An khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- TT. UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Hai Ban HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành xã;
- Chánh, phó VP. HĐND và UBND xã;
- Trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Đỗ Huy Khánh

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ PHƯỚC AN NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/07/2025 của HĐND xã)

Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ điều tiết	Tổng dự toán 2025	Phân bổ	
				Cấp tỉnh thu	Cấp xã thu
	TỔNG THU NSNN (A+B)		20,020	-	20,020
A	Nhiệm vụ thu trừ tiền sử dụng đất		20,020	-	20,020
1	Thuế CTN NQD		6,690		6,690
	- Thuế Giá trị gia tăng	59%	6,600		6,600
	- Thuế TTĐB hàng nội địa	59%	90		90
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	59%			-
	- Thuế tài nguyên	100%			-
2	Thuế thu nhập cá nhân	50%			-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	1,610		1,610
4	Thuế bảo vệ môi trường	50%			-
5	Phí, lệ phí		875		875
	- Trong cân đối	100%	875		875
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	100%			-
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100%			-
8	Thu tại xã	100%			-
9	Lệ phí trước bạ	50%	10,730		10,730
10	Thu khác ngân sách	100%	115		115
	- Trong cân đối	100%	115		115
B	Thu tiền sử dụng đất	60%			
C	Các khoản thuế tỉnh thu huyện hưởng		-	-	-
1	Thuế giá trị gia tăng	59%			
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	59%			
3	Thuế tài nguyên	100%		-	
D	Thu cân đối ngân sách Xã không bao gồm tiền sử dụng đất.		11,912	-	11,912
1	Xã hưởng từ nhiệm vụ xã thu		11,912	-	11,912
	* Số thu hưởng 100%		2,600		2,600
	* Số thu hưởng theo tỷ lệ		9,312		9,312
2	Xã hưởng từ nhiệm vụ tỉnh thu		-	-	-
	* Số thu hưởng 100%			-	
	* Số thu hưởng theo tỷ lệ			-	
E	Thu bổ sung từ Ngân sách Tỉnh		145,902	-	145,902
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách:		145,902		145,902
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
3	Thu bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh				
F	Thu từ nguồn sự nghiệp tại đơn vị		-	-	-
1	Thu từ các đơn vị sự nghiệp giáo dục (60%)				
2	Thu từ các đơn vị sự nghiệp giáo dục (40%)				
3	Thu từ nguồn cải cách tiền lương tại địa phương				
4	Thu từ nguồn tiết kiệm 10% giao đầu năm				
G	Thu tiền SD đất huyện được hưởng chưa đưa vào cân đối ngân sách.				



Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
XÃ PHƯỚC AN**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/07/2025 của HĐND xã)

Triệu đồng

Số TT	Nội Dung	Tổng dự toán tỉnh giao	Tổng dự toán HĐND xã giao	Phân bổ dự toán HĐND giao	
				Tổng số	Chi NS cấp xã
	Tổng Chi NSDP	157,814	157,814	157,814	157,814
A	Tổng chi cân đối NS địa Phương	157,814	157,814	157,814	157,814
I	Chi Đầu tư phát triển	-	-	-	-
	- Chi nguồn vốn ngân sách tập trung			-	
	- Nguồn XS kiến thiết			-	
	- Chi nguồn tiền SD đất 60%			-	
II	Chi Thường xuyên	154,614	154,614	154,614	154,614
1	Chi SN giáo dục và đào tạo	113,442	113,442	113,442	113,442
2	Chi sự nghiệp kinh tế	5,306	5,306	5,306	5,306
3	Chi sự nghiệp văn hoá	200	200	200	200
4	Chi sự nghiệp môi trường	3,288	3,288	3,288	3,288
5	Chi SN VH TT, du lịch, gia đình				
6	Chi sự nghiệp TDTT	250	250	250	250
7	Chi sự nghiệp truyền thanh	200	200	200	200
8	Chi đảm bảo xã hội	6,120	6,120	6,120	6,120
10	Chi quản lý hành chính	20,793	20,793	20,793	20,793
	- Quản lý Nhà nước	13,721	13,721	13,721	13,721
	- Khối Đảng (Bao gồm đại hội Đảng)	4,435	4,435	4,435	4,435
	- Khối đoàn thể, Hội đặc thù	2,637	2,637	2,637	2,637
11	Chi an ninh - quốc phòng	5,015	5,015	5,015	5,015
	- Chi quốc phòng	2,880	2,880	2,880	2,880
	- Chi an ninh	2,135	2,135	2,135	2,135
12	Chi khác ngân sách				
III	Dự phòng ngân sách	3,200	3,200	3,200	3,200
B	Chi từ nguồn thu sự nghiệp	-	-	-	-
1	Chi lương, sự nghiệp			-	
2	Chi từ nguồn CCTL (huyện, xã)			-	
C	Chi bằng nguồn thu Quản lý qua NS				-
1	Chi bằng nguồn XHHGD				
2	Chi bằng nguồn đóng góp điện				

Ghi chú

- Nhiệm vụ chi ngân sách tính trên mức lương cơ sở 2.340.000 đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

TỔNG HỢP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/07/2025 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế		Tổng dự toán HĐND giao	Số phân bổ dự toán 2025 (đã trừ 10% TK)	TRONG ĐÓ							Dự toán giao thu học phí, thu sự nghiệp	Ghi chú
		Biên chế giao (người)	Định mức (triệu đồng)			Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	KP hoạt động	10% TK chi TX	Trợ cấp tết, tiền ăn trưa cho trẻ, CP học tập, GV dạy khuyết tật, NQ 07 ...	Hoạt động cấp ủy, HĐND, ĐH Đảng bộ ...	Hoạt động Trung tâm hành chính công	Chế độ đặc thù, khen thưởng, sửa chữa ...		
	TỔNG DỰ TOÁN			154,614	154,614	101,091	44,584	4,553	6,389	4,891	-	1,544	2,592	
I	SN GIAO DỰC-ĐÀO TẠO			113,442	113,442	86,469	25,370	2,538	6,389	-	-	344	2,592	-
	Khối Mầm Non	158		31,907	31,907	20,874	9,480	948	2,966	0	0	344	809	
1	Trường MN Phước Long	23	60	3,826	3,826	2,174	1,380	138	516				106	
2	Trường MN Long Thọ	41	60	7,014	7,014	4,258	2,460	246	600			200	258	
3	Trường MN Phước An	33	60	6,824	6,824	4,467	1,980	198	650			144	219	
4	Trường MN Vĩnh Thanh	32	60	7,500	7,500	5,288	1,920	192	600				116	
5	Trường MN Nhơn Thanh	29	60	6,743	6,743	4,687	1,740	174	600				110	
	Khối Tiểu học	218		41,636	41,636	32,719	7,630	763	2,050	-	-	-	-	
1	Trường TH Long Thọ	103	35	17,006	17,006	12,961	3,605	360	800					
2	Trường TH Phước An	51	35	9,999	9,999	7,793	1,785	179	600					
3	Trường TH Vĩnh Thanh 1	26	35	5,926	5,926	4,757	910	91	350					
4	Trường TH Vĩnh Thanh 2	38	35	8,705	8,705	7,208	1,330	133	300					
	Khối TH-THCS	236		39,899	39,899	32,876	8,260	827	1,373	0	0	0	1,783	
1	Trường THCS Long Thọ	92	35	13,892	13,892	11,466	3,220	322	400				872	

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế		Tổng dự toán HĐND giao	Số phân bổ dự toán 2025 (đã trừ 10% TK)	TRONG ĐÓ							Dự toán giao thu học phí, thu sự nghiệp	Ghi chú
		Biên chế giao (người)	Định mức (triệu đồng)			Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	KP hoạt động	10% TK chi TX	Trợ cấp tết, tiền ăn trưa cho trẻ, CP học tập, GV dạy khuyết tật, NQ 07 ...	Hoạt động cấp ủy, HĐND, DH Đảng bộ ...	Hoạt động Trung tâm hành chính công	Chế độ đặc thù, khen thưởng, sửa chữa ...		
2	Trường THCS Phước An	41	35	7,816	7,816	6,545	1,435	144	300				320	
3	Trường TH&THCS Vĩnh Thanh	103	35	18,191	18,191	14,865	3,605	361	673				591	
	Dự phòng SN giáo dục			-	-		-							
II	SN KINH TẾ			5,306	5,306		5,306							
III	SN MÔI TRƯỜNG			3,288	3,288	-	3,288							
	Phòng Kinh tế			3,288	3,288		3,288							
IV	SN VĂN HÓA - TT			200	200	-	200	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			200	200		200							
V	SN THỂ DỤC TT			250	250	-	250	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			250	250		250							
VI	SN TRUYỀN THANH			200	200	-	200	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			200	200		200							
VII	BẢO ĐÀM XÃ HỘI			6,120	6,120	-	6,120	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			6,000	6,000		6,000							
2	Tiền điện hộ nghèo xã			120	120		120							
VIII	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	110	140	20,793	20,793	11,237	3,850	385	-	4,891	-	1,200	-	-
A	QUẢN LÝ NN	78		13,721	13,721	7,943	2,730	273	-	2,121	-	1,200	-	-
1	VP HĐND&UBND xã	24	70	3,804	3,804	1,727	840	84		1,321				Bao gồm: KP HĐND; Chăm sóc
2	Phòng Kinh tế	26	70	2,786	2,786	1,967	910	91						Lập dự toán, KTXH, sửa chữa trụ
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	22	70	5,671	5,671	3,778	770	77				1,200		KP khen thưởng



STT	ĐƠN VỊ	Biên chế		Tổng dự toán HDND giao	Số phân bổ dự toán 2025 (đã trừ 10% TK)	TRONG ĐÓ							Dự toán giao thu học phí, thu sự nghiệp	Ghi chú
		Biên chế giao (người)	Định mức (triệu đồng)			Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	KP hoạt động	10% TK chi TX	Trợ cấp tiết, tiền ăn trưa cho trẻ, CP học tập, GV dạy khuyết tật, NQ 07 ...	Hoạt động cấp ủy, HDND, DH Đảng bộ ...	Hoạt động Trung tâm hành chính công	Chế độ đặc thù, khen thưởng, sửa chữa ...		
4	Trung tâm hành chính công	6	70	1,460	1,460	471	210	21		800				
B	ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	32	140	7,072	7,072	3,294	1,120	112	-	2,770	-	-	-	
1	UB Mặt trận TQ xã	14	70	2,637	2,637	1,196	490	49		1.000				
2	VP Đảng ủy xã	18	70	4,435	4,435	2,098	630	63		1,770				Bao gồm KP Đại hội Đảng
IX	QUỐC PHÒNG - AN NINH	0	0	5,015	5,015	3,385	0	1,630	0	0	0	0	0	0
1	Quốc phòng			2,880	2,880	2,000		880						
2	An ninh			2,135	2,135	1,385		750						
X	CHI KHÁC				-									

Ghi chú:

- Nhiệm vụ chi ngân sách trên bao gồm lương, p/c và các khoản đóng góp theo lương tính trên mức lương cơ sở 2.340.000 đồng.
- Hoạt động thường xuyên đối với đơn vị khoản chi thực hiện Nghị quyết số 04/2024/NQ-HDND ngày 14/7/2024 của HDND tỉnh;
- Đảm bảo xã hội bao gồm: quà mừng thọ, KP cán bộ chuyên trách cấp huyện, trợ cấp TX, BHYT, CBCT xã, tù đầy ...
- Kinh phí chi thuê bao phần mềm quản lý TSCĐ, dự toán lương hàng năm đối với khối QLNN, Đảng, đoàn thể và SN, ngành giáo dục SD nguồn KP khoản của đơn vị.

UNGG